TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 925/2022/HC-PT
Ngày 28-11-2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Lê Văn An.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 327/2022/TLPT-HC ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HCST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2208/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1963. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Phường 12, thành phố X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Trịnh NUQ1, sinh năm 1981. *(có mặt)*

Địa chỉ: Phường 12, thành phố X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1962. (đã chết)

Địa chỉ: Phường 12, thành phố X

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T:

- Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1983. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: xã X1, thành phố Y, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Trần Ngọc N, sinh năm 1986. *(vắng mặt)*

- Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1988. *(vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Phường 12, thành phố X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1985. *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu phố 1, phường P1, thành phố Y, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, ông N, ông B, bà H: Ông Trịnh NUQ1, sinh năm 1981. *(có mặt)*

Địa chỉ: Phường 12, thành phố X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *(vắng mặt)*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Thu NBV - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố X. *(có mặt)*

Địa chỉ: Phường 1, thành phố X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo*: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc đất: Diện tích đất đùng 28.413m² thuộc thửa đất số 30 (cũ 13), tờ bản đồ số 90 (cũ 03) tại Phường 12, thành phố X do gia đình ông Trần Văn L, bà Lê Thị T (gọi tắt là ông, bà) khai phá từ trước năm 1980, không có văn bản xác nhận việc khai phá của cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, ông, bà sử dụng ổn định, liên tục từ trước đến nay, không có tranh chấp. Ngày 01/9/1989, Ủy ban nhân dân Phường 11 (cũ), thành phố X có Thông báo số 02/VP.UB xác nhận số thuế nông nghiệp phải nộp, có tên trong sổ mục kê năm 1993, đóng thuế sử dụng đất từ năm 1993 đến năm 2010 được Ủy ban nhân dân Phường 12 xác nhận tại Đơn xin cấp GCNQSD đất ngày 29/03/2011 và Công văn số 79/UBND-ĐC ngày 11/02/2015.

Ngày 13/4/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố X (TP Vũng Tàu) ban hành Thông báo số 2023/TB-VPĐKQSDĐ-NV1 với nội dung "Tạm trả hồ và cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" với lý do liên quan đến đất lâm nghiệp. Không đồng ý với nội dung Thông báo số 2023 nói trên, ông, bà đã khởi kiện tại Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2018/HCST ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Ông, bà kháng cáo, tại Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2019/HCPT ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L và bà Lê Thị T; tuyên bố hành vi trả hồ sơ của Văn phòng đăng lý quyền sử dụng đất TP Vũng Tàu là trái pháp luật; hủy Thông báo số 2023 ngày 13/4/2015.

Buộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X phải thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ cấp GCNQSD đất cho người khởi kiện theo quy định pháp luật. Trên cơ sở Bản án đã có hiệu lực pháp luật, các cơ quan có thẩm quyền tiếp tục thực hiện xem xét hồ sơ cấp GCNQSD đất của gia đình ông, bà.

Ngày 26/02/2021, Ủy ban nhân dân thành phố X ban hành Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 về việc chưa giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Trần Văn L, bà Lê Thị T đối với diện tích 28.413m² thuộc thửa đất số 30 (cũ 13), tờ bản đồ số 90 (cũ 03) tọa lạc tại Phường 12, thành phố X với lý do liên quan đến đất lâm nghiệp (Gọi tắt là Văn bản số 1222).

Nhận thấy việc chưa giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất cho ông, bà với lý do như trên là không đúng quy định pháp luật, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà, bởi các lý do sau:

- Việc sử dụng đất của gia đình ông, bà là do khai phá từ trước năm 1980, tức là trước ngày 15/10/1993, việc sử dụng ổn định, liên tục, không tranh chấp, có đóng thuế sử dụng đất đầy đủ nên đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất theo quy định pháp luật.

- Diện tích của gia đình ông, bà sử dụng từ năm 1980, trước thời điểm UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành Quyết định 6271/QĐ-UBND ngày 05/8/2002 về việc giao đất rừng và đất lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp cho UBND thành phố X quản lý. Do đó, không thể lấy quyết định này làm căn cứ chưa cấp giấy cho gia đình ông, bà được, điều này là trái quy định pháp

luật. Việc chờ các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát diện tích đất liên quan đến các nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, cũng như các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến đất lâm nghiệp, không phải là căn cứ pháp luật để chưa giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất của gia đình ông, bà.

Nay, ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố X về việc chưa giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Trần Văn L, bà Lê Thị T đối với diện tích 28.413m² thuộc thửa đất số 30 (cũ 13), tờ bản đồ số 90 (cũ 03) tọa lạc tại Phường 12, thành phố X.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố X thực hiện việc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Trần Văn L, bà Lê Thị T đối với diện tích sử dụng theo đo đạc thực tế thuộc thửa đất số 30 (cũ 13), tờ bản đồ số 90 (cũ 03) tại Phường 12, thành phố X.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Ủy ban nhân dân thành phố X trình bày:

- *Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:*

Theo xác nhận ngày 12/11/2019 của UBND Phường 12 và các tài liệu có tại hồ sơ thể hiện: *"Đất có nguồn gốc do ông Trần Văn L khai phá sử dụng từ trước năm 1980 đến nay. UBND phường đã có Danh sách công khai số 108/DSTBUBND ngày 14/9/2013, công khai kết quả kiểm tra hồ sơ từ ngày 14/9/2019 đến ngày 28/9/2019.*

Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất: Không tranh chấp".

- *Thông tin đăng ký tại hồ sơ địa chính các thời kỳ:* Tại hồ sơ địa chính lập năm 1993: Diện tích đất đề nghị cấp giấy chứng nhận thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 03 với diện tích 28.413,0m² đất "Đùng" có tên ông Trần Văn L sử dụng.

Tại hồ sơ địa chính đo vẽ tháng 5/2002: Diện tích đất đề nghị cấp giấy chứng nhận thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 90 với diện tích 33.113,0m² đất "Đùng", không có tên người sử dụng.

- *Thông tin quy hoạch:*

+ Về quy hoạch sử dụng đất: Căn cứ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thành phố X đã được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phê duyệt tại Quyết định

số 1651/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 thì thửa đất thuộc quy hoạch đất Rừng phòng hộ (đất sinh thái ngập mặn) và đất Sông Cỏ May. Về quy hoạch xây dựng: Vị trí thửa đất chưa có quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000.

- Vấn đề liên quan đến việc giao đất cho Ban Chỉ huy Quân Sự thành phố Y: Ngày 02/02/1982, UBND huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Nai (cũ) ban hành Quyết định số 12/QĐ.UBH tạm giao 62ha cho Ban Chỉ huy Quân sự huyện Châu Thành (sau này là thị xã Bà Rịa và nay là thành phố Y) quản lý.

Theo Văn bản số 606/BCH-HC ngày 06/5/2020 của Ban chỉ huy Quân sự thành phố Y thì: *"Kể từ năm 1982 đến nay khi được giao đất Ban CHQS thành phố Y đang quản lý và nuôi trồng thủy sản tại khu vực đất này. Không tranh chấp với hộ dân nào cả"*.

Kèm theo Văn bản có "Sơ đồ hiện trạng khu kinh tế Bến Súc", tuy nhiên sơ đồ này không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Tại hồ sơ không thể hiện kết quả kiểm tra, rà soát của UBND Phường 12, Chi nhánh VPĐKĐĐ về việc quản lý, sử dụng và việc cấp Giấy chứng nhận cho Ban chỉ huy Quân sự thành phố Y đối với diện tích 62ha nêu trên. Đến ngày 08/10/2020, Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Y có Văn bản số 1148/BCH-HC (về việc thay thế Văn bản số 606/BCH-HC ngày 06/5/2020 của Ban chỉ huy Quân sự thành phố Y) xác định diện tích đất xin cấp giấy chứng nhận của ông (bà) Trần Văn L - Lê Thị T nằm ngoài diện tích 62ha của Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Y được giao quản lý theo Quyết định số 12/QĐ-UBH ngày 02/02/1982 của UBND huyện Châu Thành (nay là UBND TP Bà Rịa).

- Vấn đề liên quan đến đất lâm nghiệp:

Theo xác nhận bổ sung ngày 26/10/2020 của UBND Phường 12 thì: "*Căn cứ bản đồ số hóa và lồng ghép được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kiểm tra xác nhận ngày 07/11/2018 thì xác định diện tích đất xin cấp giấy chứng nhận của ông (bà) Trần Văn L - Lê Thị T nằm trong các thửa đất đã được UBND tỉnh giao cho UBND thành phố X quản lý theo Quyết định số 6271/QĐ-UBND ngày 05/8/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giao đất rừng và đất lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp cho UBND thành phố X quản lý"*. Liên quan đến nội dung đất lâm nghiệp, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Văn bản số 2670/UBND-VP Ngày 23/3/2020 với nội dung: Thống nhất theo ý kiến đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 127/STNMT-CCQLDĐ ngày 06/3/2020 và *"Giao UBND thành phố X chủ trì*

phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất phương án sử dụng đất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trình UBND tỉnh."

Ngày 24/3/2020, UBND thành phố X đã có Văn bản số 1503/UBND-TNMT và Văn bản số 1504/UBND-TNMT chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, tham mưu UBND Thành phố. Ngày 26/02/2021, UBND thành phố X ban hành Quyết định số 1213/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ rà soát đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố X. Theo Quyết định này thì dự kiến sẽ báo cáo kết quả đến UBND Tỉnh trước ngày 31/01/2022.

Ngày 18/10/2021, Tổ rà soát đã có Báo cáo số 4555/BC-TRS báo cáo kết quả đến UBND Thành phố. Hiện tại UBND Thành phố chưa trình UBND Tỉnh phê duyệt theo yêu cầu. Do đó, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thành phố X chưa có cơ sở đề xuất giải quyết hồ sơ cho công dân theo quy định

- *Nhận xét, đề xuất:* Hiện nay, UBND thành phố X đã có kết quả rà soát, đang hoàn thiện phương án sử dụng đất để đề xuất phương án quản lý và sử dụng theo yêu cầu của UBND tỉnh. Việc công dân yêu cầu tuyên hủy Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/10/2021 của UBND thành phố X và buộc UBND thành phố X cấp GCNQSD đất đối với 28.413m² thuộc thửa đất số 30 (cũ 13), tờ bản đồ số 90 (cũ 03) tọa lạc tại Phường 12, thành phố X theo quy định của pháp luật là chưa giải quyết được.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người thừa kế quyền và nghĩa tố tụng của bà Lê Thị T gồm Trần Ngọc M, Trần Ngọc N, Trần Ngọc B, Trần Thị H cùng ủy quyền cho ông Trịnh NUQ1, trình bày: Các ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L, bà Lê Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HCST ngày 29 tháng 4 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng: Điều 32 Luật Đất đai năm 2003; Khoản 2 Điều 105 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ; điểm a Khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L và những người thừa kế

quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T:

- Hủy Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố X.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố X thực hiện nhiệm vụ công vụ nhận lại hồ sơ và cấp GCNQSD đất cho ông Trần Văn L và những người thừa kế quyền của bà Lê Thị T theo quy định pháp luật, đối với diện tích đất đang sử dụng ổn định thuộc thửa đất số 30 (cũ 13), tờ bản đồ số 90 (cũ 03) tại Phường 12, thành phố X; diện tích đất cụ thể do cơ quan có thẩm quyền xác định khi cấp GCNQSD đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 25/5/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 41/2022/HC-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Vũng Tàu đã tuyên xử:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 32 Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013;

Khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ – CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T

Hủy Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố X.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố X thực hiện nhiệm vụ công vụ nhận lại hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn L và những người thừa kế quyền của bà Lê Thị T theo quy định pháp luật, đối với diện tích

đất đang sử dụng ổn định thuộc thửa đất số 30 (số cũ là 13), tờ bản đồ số 90 (số cũ là 03) tại Phường 12, thành phố X; diện tích đất cụ thể do cơ quan có thẩm quyền xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 25/5/2022, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền lợi của Ủy ban nhân dân thành phố X trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xác định trường hợp của ông L, bà T đã sử dụng ổn định diện tích đất như đã nêu. Sau khi bản án hành chính phúc thẩm được Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành (ngày 21/3/2019), Ủy ban nhân dân thành phố X đã rà soát và kiểm tra thì đất không thuộc đất quốc phòng, chỉ chờ kết quả rà soát của cơ quan chức năng thành phố X và của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Lý do trả hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của ông L, bà T là do vị trí thửa đất nằm trong các thửa đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố Vũng Tàu (theo Quyết định số 6271/Q Đ-UBND ngày 05/5/2002 về việc giao đất rừng và đất lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp) cho Ủy ban nhân dân thành phố X quản lý nhưng việc xác định tọa độ, cắm mốc ranh giới chưa thực hiện xong. Ngoài ra, đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Đề án "*Tăng cường quản lý đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*" tuy đã hết thời hạn thực hiện nhưng vẫn chưa báo cáo kết quả nên chưa có cơ sở để xem xét hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà.

Đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm vì người bị kiện nhiều lần từ chối tiếp nhận hồ sơ đăng ký của ông L, bà T với những lý do không có cơ sở, nên bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng pháp luật và phù hợp với thực tế quá trình sử dụng đất của ông bà.

Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng – người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tuân thủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Kháng cáo làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Đối với kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố X yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L: qua xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập thấy rằng nguồn gốc diện tích đất ông L, bà T xin đăng ký quyền sử dụng đất được ông bà khai phá từ năm 1980 và sử dụng ổn định đến nay không có tranh chấp. Trong sổ mục kê năm 1993 ghi nhận ông L đứng tên sử dụng đất "Đùn"; có thông báo về số thuế nông nghiệp phải nộp từ năm 1989 và ông L có đóng thuế đất từ năm 1993 đến năm 2010 (được Ủy ban nhân dân phường 12 xác nhận tại Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/2011). Các Văn bản của Ủy ban nhân dân Phường 12 đều xác định ông L, bà T sử dụng đất ổn định và không có tranh chấp; Ban chỉ huy quân sự thành phố cũng xác định khu đất này không thuộc khu đất do đơn vị quản lý. Như vậy, theo quy định của khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013, Điều 20 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ thì trường hợp của ông bà đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tuy nhiên, Văn bản 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố X đã căn cứ vào lý do vị trí thửa đất nằm trong các thửa đất đang được tiến hành xác định tọa độ, cắm mốc ranh giới theo Quyết định 6271/QĐ-UBND ngày 05/5/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chưa được thực hiện xong và có liên quan đến nội dung Đề án "*Tăng cường quản lý đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*" chưa có kết quả thực hiện đề án nên chưa có cơ sở để xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L. Lý do này là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông Trần Văn L vì ông đã sử dụng đất ổn định, liên tục trước khi các quyết định nêu trên được ban hành.

Xét án sơ thẩm đã đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ. Các lý do đã nêu trong đơn kháng cáo và trình bày tại phiên tòa là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục:

Án sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm đã được tiến hành đúng quy định. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, các chứng cứ được thu thập đã đủ cơ sở để giải quyết toàn bộ các vấn đề của vụ án. Kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, ông Trần Văn L yêu cầu hủy Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 của UBND thành phố X về việc chưa giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, bà T đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 90 (số cũ là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 03) tọa lạc tại phường 12, thành phố X. Qua thẩm tra tài liệu, chứng cứ đã thu thập thấy rằng:

Về thẩm quyền ban hành văn bản là đúng theo quy định của Luật Đất đai 2013. Về trình tự ban hành văn bản là đúng quy định.

Về nội dung, văn bản 1222/UBND – TNMT ngày 26/02/2021 của UBND thành phố X dựa vào các lý do để trả hồ sơ là chờ kết quả thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc xác định tọa độ, cắm mốc ranh giới giữa quy hoạch đất lâm nghiệp với đất nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn thành phố X và chờ kết quả của Đề án "*Tăng cường quản lý đối với đất có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 và đất đề nghị cấp giấy chứng nhận của ông bà thuộc vị trí của đề án trên. Văn bản còn đề cập về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Trần Văn L do khai phá sử dụng từ trước năm 1980 và sử dụng ổn định đến nay nhưng diện tích này nằm trong các thửa đất được Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân thành phố X quản lý theo Quyết định số 6271/QĐ-UBND ngày 05/8/2002 (*về việc giao đất rừng và đất lâm nghiệp nằm ngoài quy hoạch lâm nghiệp do Ủy ban nhân dân thành phố X quản lý*).

Tuy nhiên, theo thông tin đăng ký tại hồ sơ địa chính các thời kỳ thể hiện: Tại hồ sơ địa chính lập năm 1993, diện tích đất đề nghị cấp giấy chứng nhận thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 03 với diện tích 28.413m² ký hiệu đất "Đùn" do ông Trần Văn L đứng tên sử dụng đã xác định được quá trình sử dụng đất của ông L

đã được xác lập từ trước thời điểm Quyết định số 6271/QĐ-UBND ngày 05/8/2002 được ban hành. Từ thời gian này đến thời điểm khởi kiện đầu tiên có liên quan đến thửa đất này vào năm 2018 không có ai tranh chấp với ông L. Ông L cũng cung cấp các tài liệu chứng minh về quá trình sử dụng đất là Thông báo số 02/VP.UB ngày 01/9/1989 của Ủy ban nhân dân Phường 11 (cũ), thành phố X xác nhận số thuế nông nghiệp phải nộp, có tên trong sổ mục kê năm 1993, đóng thuế sử dụng đất từ năm 1993 đến năm 2010 và được Ủy ban nhân dân Phường 12 xác nhận vào Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 29/3/2011. Như vậy, đất của ông L đã sử dụng trước thời điểm quy hoạch, theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 thì ông L đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lẽ ra, ngay sau khi bản án hành chính phúc thẩm số 01/2019/HCPT ngày 21/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có hiệu lực thì Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố X phải tiến hành thủ tục cấp giấy cho ông L theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật, không thể lấy lý do thực hiện Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Đề án nêu trên làm căn cứ trả hồ sơ vì điều này trái với quy định tại các điều khoản đã viện dẫn ở trên.

Đối với vấn đề người bị kiện đề cập đến việc diện tích đất của ông L có chồng lấn với đất được giao cho Ban Chỉ huy quân sự thành phố Y, theo văn bản số 1148/BCH-HC ngày 08/10/2020 của Ban Chỉ huy quân sự thành phố Y đã xác định là nằm ngoài diện tích 62ha của Ban Chỉ huy quân sự thành phố Y được giao quản lý theo Quyết định số 12/QĐ-UBH ngày 02/02/1982 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành (nay là thành phố Y) nên không có cơ sở để cho rằng đây là đất có liên quan đến quân đội.

Tại Công văn số 31/UBND ĐC ngày 06/01/2020 của Ủy ban nhân dân Phường 12 còn xác định: "*Khi tiếp nhận bàn giao không có hồ sơ liên quan đến đất Lâm nghiệp nên không xác định được vị trí xin cấp giấy của ông L với diện tích 28.413,0m² có nằm trong hay không; Do đó, đề nghị Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X có Văn bản gửi Hạt Kiểm Lâm và Phòng Kinh tế TP. Vũng Tàu là cơ quan chủ quản, yêu cầu xác định và làm rõ nguồn gốc đất có thuộc đất Lâm nghiệp do Nhà nước quản lý hay không khi cấp giấy theo quy định, ...*

... Mặt khác, qua kiểm tra sơ đồ xin cấp giấy của ông L đối chiếu với Bản đồ địa chính năm 1993, nhận thấy diện tích 1.895,2m² chồng lấn sang thửa đất

sông Dinh do Nhà nước quản lý, đề nghị không cấp giấy phần diện tích chồng lấn này".

Thấy rằng, nội dung Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 của UBND thành phố X về việc chưa giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L, bà T đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Phường 12, thành phố X là không có căn cứ pháp luật. Theo văn bản số 31/UBND-ĐC của Ủy ban nhân dân Phường 12 thì việc xác minh tiếp có thuộc đất lâm nghiệp hay không thuộc trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận nhưng cơ quan này lại không chủ động tiến hành công tác xác minh, rà soát. Án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và tuyên hủy Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 của UBND thành phố X là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của người bị kiện yêu cầu sửa toàn bộ án sơ thẩm vì đánh giá không khách quan, không xem xét đúng bản chất vụ án: tại phiên tòa phúc thẩm, các bên giữ nguyên quan điểm đã trình bày ở giai đoạn xét xử sơ thẩm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Đồng thời, đến thời điểm xét xử phúc thẩm những kết quả rà soát dù đã hết thời hạn thực hiện nhưng cũng chưa có báo cáo chính thức. Như nhận định trên của Hội đồng xét xử, thấy rằng Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 trả lời là sai, phải tiếp nhận hồ sơ và xem xét cấp Giấy chứng nhận cho ông Trần Văn L, bà Lê Thị T theo quy định nhưng có một phần nội dung đúng là lý do khách quan: chưa cấp Giấy chứng nhận vì chờ kết quả phê duyệt phương án sử dụng đất lâm nghiệp theo Báo cáo số 4555 ngày 18/10/2021 của Tổ rà soát và còn một phần diện tích 1.895,2m² chồng lấn sang thửa đất sông Dinh do Nhà nước quản lý như Ủy ban nhân dân Phường 12 đề cập nên nội dung phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: *"Buộc Ủy ban nhân dân thành phố X thực hiện nhiệm vụ công vụ nhận lại hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn L và những người thừa kế quyền của bà Lê Thị T theo quy định pháp luật..."* là không phù hợp do Tòa án không có quyền buộc cơ quan nhà nước khác thực hiện nhiệm vụ theo chuyên môn nghiệp vụ của họ. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố X, sửa một phần đối với nội dung đã tuyên trong phần quyết định của bản án sơ thẩm: buộc Ủy ban nhân dân thành phố X thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn L và bà Lê Thị T đối với phần đất thuộc thửa đất số 30 (số cũ là 13), tờ bản đồ số 90 (số cũ là 03) tại Phường 12, thành phố X; diện tích đất cụ thể do cơ quan

có thẩm quyền xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm người kháng cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố X. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 32 Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai 2003; khoản 2 Điều 105 Luật Đất đai 2013;

Khoản 2 Điều 48 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

Điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị T.

Hủy Văn bản số 1222/UBND-TNMT ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố X.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố X thực hiện nhiệm vụ công vụ giải quyết hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn L và những người thừa kế quyền của bà Lê Thị T đối với diện tích đất đang sử dụng ổn định thuộc thửa đất số 30 (số cũ là 13), tờ bản đồ số 90 (số cũ là 03) tại Phường 12, thành phố X theo quy định pháp luật. Diện tích đất cụ thể do cơ quan có thẩm quyền xác định khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ủy ban nhân dân thành phố X không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1);
- ĐS (7);
- Lưu VP(3), HS(2).18b.NHT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy Vũ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Văn An	**Dương Tuấn Vinh**	**Nguyễn Thị Thụy Vũ**